

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYÊN MỘC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **89/2024/DS-ST**

Ngày: 01 - 8 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Phú Hiên

Ông Nguyễn Ngọc Khanh

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng - Thư ký TAND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có văn bản không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 09/2024/TLST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2024/QĐXXST-DS ngày 28/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-DS ngày 15/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần P (OCB); trụ sở chính: số 41 (tầng trệt, tầng lửng, tầng 1 và 2 của tòa nhà) và số D L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

1.1. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1.2. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Anh T1, sinh năm 1983, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ; địa chỉ liên hệ: 148 L, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (theo văn bản ủy quyền số 24/2024UQ-OCB ngày 29/3/2024) (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961; nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Theo hợp đồng tín dụng số 0166/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 21/07/2023 cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 1.400.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh tạp hóa; thời hạn vay: 24 tháng; lãi suất vay trong hạn 13%/năm, có điều chỉnh theo Khế ước nhận nợ số 0166/2023/KUNN-OCB-CN ngày 21/07/2023; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm: Diện tích đất 3.201m² thửa đất số 16 tờ bản đồ số 23 xã H, thuộc GCNQSD đất số M 772876 do UBND huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25/09/1999, cập nhật biến động do thừa kế ngày 12/06/2023 và đã được đăng ký thế chấp cùng ngày.

OCB đã giải ngân cho bà L số tiền vay theo Khế ước nhận nợ số 0166/2023/KUNN-OCB-CN ngày 21/07/2023.

Sau khi vay bà L chưa trả cho OCB số tiền nợ gốc, chỉ trả được tiền lãi là 67.089.928 đồng. Từ ngày 27/01/2024 bà L không trả nợ gốc và nợ lãi cho OCB dù được nhắc nợ.

OCB yêu cầu bị đơn trả cho OCB số nợ gốc là số tiền 1.400.000.000 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi bị đơn trả hết nợ, tạm tính đến ngày 01/8/2024 là 100.626.235 đồng.

Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ thì OCB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo là diện tích đất 3.201m² thửa đất số 16 tờ bản đồ số 23 xã H, thuộc GCNQSD đất số M 772876 do UBND huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25/09/1999, cập nhật biến động do thừa kế cho bị đơn ngày 12/06/2023 và đã được đăng ký thế chấp cùng ngày để thu hồi nợ.

2. Quá trình tố tụng bị đơn được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại cổ phần P (viết tắt: O) khởi kiện Nguyễn Thị L về hợp đồng tín dụng. Bà L có địa chỉ cư trú tại huyện X, căn cứ khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, HĐXX xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Tranh chấp

hợp đồng tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

[1.2] *Về người tham gia tố tụng:* Kết quả xác minh đăng ký cư trú tại Công an xã H xác định: Bị đơn bà Nguyễn Thị L còn đăng ký thường trú tại địa chỉ ấp C, xã H, huyện X và đang thực tế cư trú tại địa chỉ này. Bà L được Tòa án tổng đạt hợp lệ tại địa chỉ cư trú nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ quy định tại Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[1.3] *Về thay đổi yêu cầu khởi kiện:* Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho OCB số tiền 1.500.626.235 đồng, gồm: Nợ gốc là 1.400.000.000 đồng; nợ lãi là 100.626.235 đồng (tính đến ngày 01/8/2024) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ này.

Như vậy so với yêu cầu khởi kiện ban đầu thì tiền nợ gốc không thay đổi, tiền nợ lãi thay đổi do phát sinh theo hợp đồng tín dụng; căn cứ quy định tại Điều 5 và khoản 1 Điều 244 BLTTDS đây không coi là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện:*

[2.1] *Về hợp đồng tín dụng:* Tài liệu OCB cung cấp thể hiện ngày 21/7/2023 bà L vay của O số tiền 1.400.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0166/2023/HĐTD-OCB-CN, được bà L bảo đảm bằng diện tích đất 3.201m² thửa đất số 16 tờ bản đồ số 23 xã H, thuộc GCNQSD đất số M 772876 do UBND huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25/09/1999, cập nhật biến động do thừa kế cho bà L ngày 12/06/2023; trong hợp đồng nêu trên thể hiện số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay, mục đích vay, hình thức vay, hình thức thanh toán và ngày trả nợ cuối. Như vậy việc giao kết giữa các bên trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm ký kết, các bên tham gia có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 401, 463, 465, 466, 468 và 470 BLDS; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; các điều 13, 18, 23, 27 và Điều 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN30/12/2016 nên làm phát sinh quyền nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký.

[2.2] *Về yêu cầu trả nợ:* Ngày ngày 21/7/2023 bị đơn vay của O số tiền 1.400.000.000 đồng và đã được OCB giải ngân toàn bộ số tiền vay (BL 50-52). Tính đến ngày 01/8/2024 bị đơn cho OCB 67.089.928 đồng tiền lãi, chưa trả nợ gốc. Hiện bị đơn không có phương án và thời gian cụ thể trả nợ cho OCB.

Theo điểm a, b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định “...Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau: ...Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả... Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả... Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn...”

Điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định “Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn...”;

Do đó việc OCB khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp quy định Điều 466 BLDS, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên HĐXX chấp nhận; buộc bà L phải có nghĩa vụ thanh toán cho OCB tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/8/2024) số tiền nợ gốc 1.400.000 đồng, lãi là 100.626.235 đồng (gồm: lãi trong hạn là 92.983.014 đồng, lãi quá hạn là 4.878.904 đồng, lãi chậm trả là 2.764.380 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

[2.3] Về xử lý tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp 0166/2023/BĐ ngày 21/7/2023 đối với tài sản là thửa đất số 16 tờ bản đồ số 23 xã H, thuộc GCNQSD đất số M 772876 do UBND huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25/09/1999, được đăng ký giao dịch đảm bảo cùng ngày (BL 45), hợp đồng thể hiện các bên tự nguyện giao kết, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; được công chứng và đăng ký thế chấp phù hợp với quy định của Điều 4, Điều 5 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ; các điều 292, 317, 318, 319, 501, 502 BLDS; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng và các điều 166, 167, 179 Luật đất đai.

Tại thời điểm xem xét, thẩm định trên thửa đất số 817 tờ bản đồ số 35 xã H có các tài sản gồm: 190 trụ tiêu, đồng thời có một số trụ tiêu đã chết (không kiểm đếm); ngoài ra không còn cây trồng, công trình, vật kiến trúc nào khác trên đất. Theo Hợp đồng thế chấp thể hiện tài sản trên đất cũng thuộc tài sản thế chấp. Do đó, HĐXX

chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không trả nợ vay, OCB được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên theo quy định của pháp luật.

[3] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. OCB đã nộp đủ. Do yêu cầu của O được chấp nhận nên bị đơn phải chịu và hoàn trả cho OCB toàn bộ chi phí này.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Vì vậy, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 57.018.000 đồng (36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng). OCB không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho OCB.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo, VKSND được quyền kháng nghị theo quy định của BLTTDS.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30, Điều 35, Điều 39, 91, 147, 227, 244, 266, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều: 280, 357, 401, 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a, b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và điểm b khoản 2 Điều 8 và điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần P (viết tắt: O) về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với bà Nguyễn Thị L.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho OCB nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0166/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 21/7/2023 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/8/2024) số tiền 1.500.626.000đ (*Một tỷ năm trăm triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng-đã làm tròn số*), trong đó: Nợ gốc là 1.400.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 92.983.014 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.878.904 đồng, lãi chậm trả là 2.764.380 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 02/8/2024) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho O, Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0166/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 21/7/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp trong hợp đồng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm xác lập hợp đồng, thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

1.2. Trường hợp bà Nguyễn Thị L không trả nợ vay, OCB được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật, gồm:

Thửa đất số 16 tờ bản đồ số 23 xã H, diện tích đất 3.201m² (hoặc diện tích biến động-nếu có) thuộc GCNQSD đất số M 772876 do UBND huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25/09/1999, cập nhật biến động do thừa kế cho bà L ngày 12/06/2023, cùng các tài sản có trên thửa đất gồm: 190 trụ tiêu, đồng thời có một số trụ tiêu đã chết.

1.3. Ngay sau khi bà Nguyễn Thị Lý trả hết nợ cho OCB, thì OCB có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L các tài sản bảo đảm (nếu có).

2. Về chi phí tố tụng:

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho OCB số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

2.2. OCB không phải chịu chi phí tố tụng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là số tiền 57.018.000đ (Năm mươi bảy triệu không trăm mười tám nghìn đồng-đã làm tròn số).

3.2. OCB không phải chịu án phí. Hoàn trả cho OCB số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.380.396đ (Hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng) theo biên lai thu số 0005367 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; VKSND cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 01/8/2024); bị đơn và VKSND cùng cấp không

có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo, kháng nghị 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án **hoặc** bản án được niêm yết.

5. Thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi

nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND H.Xuyên Mộc;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- Chi nhánh VPĐKĐĐ H.XM;

- Chi Cục THADS H.Xuyên Mộc;
- Lưu hồ sơ, VT.

Nguyễn Duy Đạt